

Số: /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch và Bộ Tiêu chí thực hiện
đánh giá thí điểm hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 979/QĐ-TTg ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Thí điểm đổi mới hoạt động đánh giá hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật”;

Căn cứ Thông tư số 03/2018/TT-BTP ngày 10 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 1666/QĐ-BTP ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Tiêu chí chung đánh giá thí điểm hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 434/QĐ-BNNMT ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc phê duyệt Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật và truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện đánh giá thí điểm hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Phụ lục I).

Điều 2. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ Tiêu chí đánh giá thí điểm hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Phụ lục II).

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 3873/QĐ-BTNMT ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện đánh giá thí điểm hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Chăn nuôi và Thú y, Cục trưởng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Cục trưởng Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm, Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các đ/c Thứ trưởng Bộ NN và MT;
- Hội đồng PHPBGDPL Trung ương;
- Bộ Tư pháp (Cục PBGDPL và TGPL);
- Công TTĐT Bộ NNMT;
- Lưu: VT, PC (nqhuy5).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Võ Văn Hưng

Phụ lục I:
KẾ HOẠCH
THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ THÍ ĐIỂM
HIỆU QUẢ CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT
CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 979/QĐ-TTg ngày 12/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Thí điểm đổi mới hoạt động đánh giá hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật” (Quyết định số 979/QĐ-TTg); Thông tư số 03/2018/TT-BTP ngày 10/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; Quyết định số 1666/QĐ-BTP ngày 09/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Tiêu chí chung đánh giá thí điểm hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Tổ chức thí điểm đánh giá hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) một số lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ nhằm rút kinh nghiệm để tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác PBGDPL của Bộ; đưa công tác PBGDPL phát huy được thế mạnh và đi vào thực tiễn.

2. Yêu cầu:

- Xác định cụ thể nội dung, tiến độ, thời hạn thực hiện và sản phẩm theo Quyết định số 979/QĐ-TTg; phân công rõ ràng trách nhiệm trong triển khai các nhiệm vụ để nâng cao tính chủ động, chịu trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc Bộ; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ trong thực hiện.

- Việc triển khai thực hiện phải tiến hành nghiêm túc, phù hợp với Khung tiêu chí chung và hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

- Các đơn vị chủ động thực hiện các nhiệm vụ được phân công, đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả; kịp thời báo cáo, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

II. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

TT	Nội dung hoạt động	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
1	Xây dựng, ban hành Kế hoạch và Bộ Tiêu chí thực hiện đánh giá thí điểm hiệu quả công tác PBGDPL của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Vụ Pháp chế	Các Cục: Chăn nuôi và Thú y; Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Lâm nghiệp và Kiểm lâm; Thủy sản và Kiểm ngư, đơn vị có liên quan	Bộ Tiêu chí riêng, Kế hoạch thực hiện đánh giá thí điểm hiệu quả công tác PBGDPL của Bộ	Tháng 6/2025
2	Lựa chọn hình thức, địa bàn tổ chức đánh giá thí điểm hiệu quả công tác PBGDPL của Bộ Nông nghiệp và Môi trường				
2.1	Lựa chọn hình thức, địa bàn tổ chức thực hiện đánh giá thí điểm hiệu quả công tác PBGDPL trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y	Cục Chăn nuôi và Thú y	Vụ Pháp chế	Hình thức, địa bàn thí điểm được lựa chọn	Tháng 7/2025
2.2	Lựa chọn hình thức, địa bàn tổ chức thực hiện đánh giá thí điểm hiệu quả công tác PBGDPL trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Vụ Pháp chế	Hình thức, địa bàn thí điểm được lựa chọn	Tháng 7/2025
2.3	Lựa chọn hình thức, địa bàn tổ chức thực hiện đánh giá thí điểm hiệu quả công tác PBGDPL trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm	Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Vụ Pháp chế	Hình thức, địa bàn thí điểm được lựa chọn	Tháng 7/2025
2.4	Lựa chọn hình thức, địa bàn tổ chức thực hiện đánh giá thí điểm hiệu quả công tác PBGDPL trong lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư	Cục Thủy sản và Kiểm ngư	Vụ Pháp chế	Hình thức, địa bàn thí điểm được lựa chọn	Tháng 7/2025
3	Tổ chức đánh giá thí điểm hiệu quả công tác PBGDPL theo từng lĩnh vực	- Lĩnh vực chăn nuôi và thú y: Cục Chăn nuôi và Thú y. - Lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực	Vụ Pháp chế	Kết quả đánh giá theo Bộ tiêu chí đánh giá	Tháng 7-10/2025

TT	Nội dung hoạt động	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
		vật: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật. - Lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm: Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm. - Lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư: Cục Thủy sản và Kiểm ngư.			
4	Xây dựng báo cáo kết quả thực hiện đánh giá thí điểm hiệu quả công tác PBGDPL theo lĩnh vực được phân công	- Lĩnh vực chăn nuôi và thú y: Cục Chăn nuôi và Thú y. - Lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật. - Lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm: Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm. - Lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư: Cục Thủy sản và Kiểm ngư.	Vụ Pháp chế	Báo cáo kết quả thực hiện đánh giá thí điểm hiệu quả công tác PBGDPL theo lĩnh vực được phân công	Tháng 11/2025
5	Xây dựng báo cáo kết quả thực hiện đánh giá thí điểm hiệu quả công tác PBGDPL lĩnh vực nông nghiệp và môi	Vụ Pháp chế	Các Cục: Chăn nuôi và Thú y; Trồng trọt và	Báo cáo kết quả thực hiện đánh giá	Tháng 12/2025

TT	Nội dung hoạt động	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
	trường		Bảo vệ thực vật; Lâm nghiệp và Kiểm lâm; Thủy sản và Kiểm ngư, đơn vị có liên quan	thí điểm hiệu quả công tác PBGDPL lĩnh vực nông nghiệp và môi trường	
6	Phối hợp tổ chức hội nghị, hội thảo, diễn đàn với các bộ, ngành và doanh nghiệp hoặc hình thức phù hợp để trao đổi về việc triển khai thực hiện Kế hoạch	Vụ Pháp chế	Các Cục: Chăn nuôi và Thú y; Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Lâm nghiệp và Kiểm lâm; Thủy sản và Kiểm ngư, đơn vị có liên quan	hội nghị, hội thảo, diễn đàn với các bộ, ngành và doanh nghiệp hoặc hình thức phù hợp	Tháng 12/2025

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Vụ Pháp chế: chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu giúp Bộ chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi việc thực hiện Kế hoạch; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao; tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ kết quả thực hiện Kế hoạch.

2. Các Cục: Chăn nuôi và Thú y; Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Lâm nghiệp và Kiểm lâm; Thủy sản và Kiểm ngư: tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng, gửi báo cáo kết quả triển khai thực hiện về Bộ (qua Vụ Pháp chế) để tổng hợp, gửi Bộ Tư pháp.

3. Vụ Kế hoạch - Tài chính: có trách nhiệm bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước cấp cho Bộ triển khai thực hiện thí điểm theo Quyết định số 979/QĐ-TTg ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác thực hiện Kế hoạch này. Dự toán kinh phí được tổng hợp do Chăn nuôi và Thú y; Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Lâm nghiệp và Kiểm lâm; Thủy sản và Kiểm ngư lập gửi Kế hoạch - Tài chính tổng hợp trình, phê duyệt theo quy định./.

Phụ lục II:
BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ THÍ ĐIỂM
HIỆU QUẢ CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT
CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU, PHẠM VI VÀ THỜI GIAN ÁP DỤNG BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ THÍ ĐIỂM HIỆU QUẢ CÔNG TÁC PBGDPL

1. Mục tiêu

- Là cơ sở để các đơn vị thực hiện đánh giá thí điểm bảo đảm linh hoạt, phù hợp với đặc thù, tình hình thực tế trong từng giai đoạn và năm công tác.
- Xác định phương pháp, cách thức đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL bảo đảm khoa học, khả thi, linh hoạt, phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế của từng hoạt động PBGDPL, bảo đảm khả năng lượng hóa trên cơ sở so sánh kết quả dự kiến với kết quả thực tế đạt được trong từng hoạt động PBGDPL.

2. Yêu cầu

- Các tiêu chí phải bám sát các yêu cầu tại Quyết định số 979/QĐ-TTg và Quyết định số 1666/QĐ-BTP ngày 09/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Tiêu chí chung đánh giá thí điểm hiệu quả công tác PBGDPL.
- Việc xây dựng các tiêu chí phải bảo đảm tính khả thi, khách quan, sát với tình hình thực tiễn triển khai công tác PBGDPL.
- Các tiêu chí xác định các nhiệm vụ cơ bản, cần thiết nhằm bảo đảm hiệu quả trong quá trình thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước, tổ chức hoạt động PBGDPL cụ thể (yếu tố đầu vào của hoạt động PBGDPL) của Bộ theo quy định của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật.
- Lượng hóa chất lượng đầu ra của công tác quản lý nhà nước về PBGDPL và từng hoạt động PBGDPL cụ thể do các đơn vị thuộc Bộ thực hiện thí điểm chủ trì tổ chức theo Kế hoạch.

c) Phạm vi thí điểm áp dụng

Tiêu chí này được áp dụng để đánh giá thí điểm hiệu quả công tác PBGDPL thông qua 02 nội dung: (i) Chất lượng hoạt động quản lý nhà nước về công tác PBGDPL và (ii) Kết quả đầu ra của các hoạt động PBGDPL cụ thể.

d) Thời gian thí điểm: trong năm 2025.

3. Đối tượng áp dụng

Các đơn vị thực hiện thí điểm: Cục Chăn nuôi và Thú y; Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm; Cục Thủy sản và Kiểm ngư.

4. Kết cấu và điểm số của Bộ tiêu chí

Bộ tiêu chí bao gồm các nhóm tiêu chí sau đây:

a) Nhóm tiêu chí đánh giá chất lượng hoạt động quản lý nhà nước về PBGDPL (Điểm chuẩn là 45 điểm). Việc đánh giá được thực hiện trên cơ sở lượng hóa mức độ hoàn thành trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cụ thể:

Tiêu chí tập trung đánh giá chất lượng triển khai 06 nhóm nhiệm vụ sau:

(i) Mức độ hoàn thành trách nhiệm xây dựng Kế hoạch triển khai công tác PBGDPL hàng năm trong lĩnh vực đánh giá thí điểm;

(ii) Chất lượng triển khai thực hiện Kế hoạch công tác PBGDPL hàng năm trong lĩnh vực đánh giá thí điểm;

(iii) Mức độ bảo đảm nguồn nhân lực cho việc tổ chức thực hiện các hoạt động PBGDPL theo Kế hoạch PBGDPL năm đã được phê duyệt;

(iv) Mức độ bảo đảm kinh phí cho việc thực hiện các hoạt động PBGDPL theo Kế hoạch PBGDPL năm đã được phê duyệt;

(v) Mức độ thực hiện xã hội hóa công tác PBGDPL;

(vi) Mức độ đáp ứng yêu cầu về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số công tác PBGDPL trong năm công tác.

b) Nhóm tiêu chí đánh giá kết quả đầu ra của các hoạt động PBGDPL cụ thể (Điểm chuẩn là 55 điểm). Việc đánh giá được thực hiện trên cơ sở lượng hóa mức độ đánh giá của đối tượng thụ hưởng về chất lượng tổ chức các hoạt động PBGDPL cụ thể do đơn vị chủ trì việc đánh giá (Cục Chăn nuôi và Thú y; Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm; Cục Thủy sản và Kiểm ngư) tổ chức theo Kế hoạch; mức độ tác động của các hoạt động PBGDPL cụ thể tới nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của các đối tượng thụ hưởng đối với nội dung pháp luật được PBGDPL.

II. QUY TRÌNH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ THÍ ĐIỂM HIỆU QUẢ CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

1. Quy trình thực hiện đánh giá thí điểm của các đơn vị trực thuộc Bộ được lựa chọn thí điểm

Việc thực hiện đánh giá thí điểm hiệu quả công tác PBGDPL được thực hiện theo quy trình ba bước như sau:

a) Bước 1. Lựa chọn, xác định đối tượng, lĩnh vực, địa bàn để đánh giá thí điểm hoạt động PBGDPL.

Cục Chăn nuôi và Thú y; Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm; Cục Thủy sản và Kiểm ngư: Lựa chọn, xác định đối tượng, lĩnh vực, địa bàn để đánh giá thí điểm hoạt động PBGDPL

b) Bước 2. Xây dựng Tiêu chí riêng đánh giá thí điểm hiệu quả công tác PBGDPL đối với các hoạt động PBGDPL được lựa chọn

Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với đơn vị chủ trì việc đánh giá để xây dựng, trình Bộ ban hành Bộ tiêu chí riêng đánh giá thí điểm hiệu quả công tác PBGDPL.

Tùy theo yêu cầu và đặc thù của hoạt động PBGDPL được lựa chọn, đơn vị chủ trì việc thực hiện đánh giá thí điểm có thể bổ sung các chỉ tiêu trong Tiêu chí riêng để cụ thể hóa và bảo đảm đánh giá chính xác, khách quan hoạt động PBGDPL thuộc phạm vi lĩnh vực, địa bàn quản lý.

c) Bước 3. Tổ chức đánh giá thí điểm

Đơn vị chủ trì việc đánh giá tổ chức đánh giá, xây dựng báo cáo đánh giá thí điểm hiệu quả hoạt động PBGDPL; đồng thời tổng hợp các tài liệu kiểm chứng đối với từng tiêu chí, chỉ tiêu và mức điểm cụ thể gửi Vụ Pháp chế để tổng hợp báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét, gửi báo cáo kết quả đánh giá thí điểm về Bộ Tư pháp tổng hợp theo quy định.

2. Thời điểm đánh giá

Thời điểm đánh giá bắt đầu từ ngày 01/7/2025 và kết thúc việc đánh giá vào ngày 31/12/2025.

3. Tài liệu kiểm chứng và phương pháp đánh giá

Vụ Pháp chế và các Cục thực hiện thí điểm xác định các nguồn thông tin, tài liệu kiểm chứng đối với các tiêu chí, chỉ tiêu trong Bộ tiêu chí.

Việc tổ chức đánh giá qua phương pháp khảo sát, điều tra xã hội học được linh hoạt thực hiện trước và ngay sau hoạt động PBGDPL hoặc sau một thời gian nhất định tùy thuộc vào tính chất, quy mô của hoạt động PBGDPL được chọn đánh giá.

4. Về sử dụng kết quả đánh giá

Kết quả đánh giá của các đơn vị được lựa chọn thí điểm là cơ sở để Lãnh đạo Bộ kịp thời chỉ đạo, đề ra giải pháp khắc phục những bất cập trong hoạt động quản lý nhà nước và tổ chức thực hiện các hoạt động PBGDPL cụ thể trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

III. BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ THÍ ĐIỂM HIỆU QUẢ CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Stt	Tiêu chí/Mục tiêu	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Tài liệu kiểm chứng
I	Nhóm tiêu chí đánh giá	chất lượng hoạt động quản lý nhà nước về PBGDPL	45	
1	Tiêu chí 1	Mức độ hoàn thành trách nhiệm xây dựng Kế hoạch triển khai công tác PBGDPL trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý	10	
	Mục tiêu: Bảo đảm chất lượng lập, xây dựng Kế hoạch triển khai công tác PBGDPL thực chất, kịp thời, có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào những vấn đề nóng được xã hội quan tâm, các đối tượng đặc thù thuộc phạm vi quản lý	- <i>Căn cứ xây dựng Kế hoạch</i>	4	Kế hoạch công tác PBGDPL của đơn vị; kết quả khảo sát, tổng hợp các thông tin, báo cáo khác có liên quan làm cơ sở xây dựng kế hoạch công tác
		1. Phù hợp với Kế hoạch hoạt động của Bộ, của Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp trên	1	
		a) Rất phù hợp	1	
		b) Phù hợp	0,75	
		c) Tương đối phù hợp	0,5	
		d) Không phù hợp	0	
		2. Nghiên cứu, khảo sát về nhu cầu thông tin pháp luật trong lĩnh vực quản lý làm cơ sở để xây dựng Kế hoạch	3	
		a) Có nghiên cứu, khảo sát đầy đủ (qua phiếu khảo sát, khảo sát trực tiếp, trực tuyến, nghiên cứu các tài liệu, báo cáo liên quan)	3	
		b) Có nghiên cứu, khảo sát nhưng không đầy đủ (thiếu một trong các yếu tố như: phiếu khảo sát, khảo sát trực tiếp, nghiên cứu các tài liệu, báo cáo liên quan)	2	
		c) Chỉ nghiên cứu, nắm bắt nhu cầu thông tin pháp luật trong lĩnh vực quản lý thông qua các tài liệu, báo cáo liên quan...	1	
		d) Không nghiên cứu, khảo sát	0	
		- <i>Nội dung Kế hoạch</i>	6	
		1. Xác định đối tượng cần được ưu tiên thụ hưởng các hoạt động PBGDPL trong lĩnh vực quản lý trong năm công tác	1	
		a) Có xác định đầy đủ	1	

	b) Có xác định nhưng không đầy đủ	0,5	
	c) Không xác định	0	
	2. Xác định những văn bản pháp luật và nội dung pháp luật trọng tâm của lĩnh vực cần thực hiện PBGDPL trong năm công tác	1	
	a) Có xác định đầy đủ	1	
	b) Có xác định nhưng không đầy đủ	0,5	
	c) Không xác định	0	
	3. Xác định cách thức và hình thức thực hiện các hoạt động PBGDPL cụ thể đối với từng nội dung cần PBGDPL trong năm công tác	1	
	a) Có xác định đầy đủ	1	
	b) Có xác định nhưng không đầy đủ	0,5	
	c) Không xác định	0	
	4. Xác định nguồn nhân lực tổ chức thực hiện các hoạt động PBGDPL cụ thể	1	
	a) Có xác định đầy đủ	1	
	b) Có xác định nhưng không đầy đủ	0,5	
	c) Không xác định	0	
	5. Xác định kinh phí bảo đảm tổ chức thực hiện đối với từng hoạt động PBGDPL cụ thể	1	
	a) Có xác định đầy đủ	1	
	b) Có xác định nhưng không đầy đủ	0,5	
	c) Không xác định	0	
	6. Xác định kết quả dự kiến đạt được đối với các hoạt động PBGDPL cụ thể	1	
	a) Có xác định đầy đủ	1	
	b) Có xác định nhưng không đầy đủ	0,5	

		c) Không xác định	0	
2	Tiêu chí 2	Chất lượng triển khai thực hiện Kế hoạch công tác PBGDPL	9	
	Mục tiêu: Bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ, tiến độ, chất lượng triển khai các nhiệm vụ trong Kế hoạch công tác PBGDPL đã được phê duyệt	1. Hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch	1	Công văn hướng dẫn, đôn đốc, tháo gỡ vướng mắc, khó khăn
		a) Có thực hiện	1	
		b) Không thực hiện	0	
		2. Tỷ lệ % nhiệm vụ hoàn thành theo Kế hoạch được phê duyệt	5	Báo cáo, sản phẩm cụ thể của các nhiệm vụ theo Kế hoạch (tin, bài, tài liệu, chuyên mục trên báo chí, hội nghị được tổ chức...)
		a) Hoàn thành 100%	5	
		b) Hoàn thành từ 90% đến dưới 100%	4	
		c) Hoàn thành từ 80% đến dưới 90%	3	
		d) Hoàn thành từ 70% đến dưới 80%	2	
		đ) Hoàn thành từ 50% đến dưới 70%	1	
		e) Hoàn thành dưới 50%	0	
		3. Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ PBGDPL đột xuất ngoài kế hoạch do cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giao	1	Văn bản, ý kiến chỉ đạo giao nhiệm vụ đột xuất của cấp có thẩm quyền; báo cáo, sản phẩm cụ thể của các nhiệm vụ được giao
		a) Hoàn thành 100%	1	
		b) Hoàn thành từ 90% đến dưới 100%	0,75	
		c) Hoàn thành từ 80% đến dưới 90%	0,5	
		d) Hoàn thành từ 70% đến dưới 80%	0,25	
		đ) Hoàn thành từ 50% đến dưới 70%	0,2	
		e) Hoàn thành dưới 50%	0	
		4. Mức độ hoàn thành việc tổ chức kiểm tra, đánh giá công tác PBGDPL về lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý	1	Kế hoạch, kết luận kiểm tra...
		a) Hoàn thành 100%	1	

		b) Hoàn thành từ 90% đến dưới 100%	0,75	
		c) Hoàn thành từ 80% đến dưới 90%	0,5	
		d) Hoàn thành từ 70% đến dưới 80%	0,25	
		đ) Hoàn thành từ 50% đến dưới 70%	0,2	
		e) Hoàn thành dưới 50%	0	
		5. Tổ chức sơ kết, tổng kết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, nhận diện các cách làm hay, hiệu quả trong công tác PBGDPL về lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý	1	Kế hoạch, báo cáo sơ kết, tổng kết; công văn hướng dẫn thực hiện
		a) Có thực hiện	1	
		b) Không thực hiện	0	
3	Tiêu chí 3	Mức độ bảo đảm nguồn nhân lực cho việc tổ chức thực hiện các hoạt động PBGDPL theo Kế hoạch PBGDPL năm đã được phê duyệt	8	
	Mục tiêu: Bảo đảm số lượng, chất lượng nhân lực của bộ, ngành đáp ứng kịp thời yêu cầu công tác PBGDPL của lĩnh vực quản lý trong năm công tác	1. Tỷ lệ % tổng số lượng nhân sự được bố trí trên thực tế để triển khai các nhiệm vụ PBGDPL trọng tâm so với tổng số lượng nhân sự được xác định trong Kế hoạch	4	Báo cáo về thực trạng đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác PBGDPL; báo cáo viên pháp luật của đơn vị triển khai các nhiệm vụ PBGDPL trọng tâm được xác định trong Kế hoạch PBGDPL năm
		a) Bố trí 100%	4	
		b) Bố trí từ 90% đến dưới 100%	3	
		c) Bố trí từ 80% đến dưới 90%	2	
		d) Bố trí từ 70% đến dưới 80%	1	
		đ) Bố trí từ 50% đến dưới 70%	0,5	

		e) Bố trí dưới 50%	0	
		2. Tỷ lệ % các nhiệm vụ PBGDPL trọng tâm được bố trí đủ số lượng nhân sự theo Kế hoạch được phê duyệt trên tổng số nhiệm vụ trong Kế hoạch được phê duyệt	4	
		a) Bố trí 100%	4	
		b) Bố trí từ 90% đến dưới 100%	3	
		c) Bố trí từ 80% đến dưới 90%	2	
		d) Bố trí từ 70% đến dưới 80%	1	
		đ) Bố trí từ 50% đến dưới 70%	0,5	
		e) Bố trí dưới 50%	0	
4	Tiêu chí 4	Mức độ bảo đảm kinh phí (không phân biệt kinh phí từ nguồn ngân sách Nhà nước hay huy động từ nguồn xã hội hóa hợp pháp khác) cho việc thực hiện các hoạt động PBGDPL theo Kế hoạch PBGDPL năm đã được phê duyệt	8	
	Mục tiêu: Bảo đảm kinh phí phù hợp để tổ chức thực hiện hiệu quả các hoạt động PBGDPL trọng tâm của bộ, cơ quan ngang bộ theo Kế hoạch PBGDPL được phê duyệt và căn cứ vào quy định của pháp luật về ngân sách	1. Tỷ lệ % các hoạt động PBGDPL theo Kế hoạch PBGDPL được bố trí kinh phí riêng trên tổng số hoạt động PBGDPL đã được phê duyệt với mức chi, nội dung chi theo quy định của pháp luật	2,5	Báo cáo, thống kê dự toán kinh phí được phê duyệt; thanh quyết toán kinh phí triển khai công tác PBGDPL của đơn vị
		a) Bố trí 100%	2,5	
		b) Bố trí từ 90% đến dưới 100%	2	
		c) Bố trí từ 80% đến dưới 90%	1,5	
		d) Bố trí từ 70% đến dưới 80%	1	
		đ) Bố trí từ 50% đến dưới 70%	0,5	
		e) Bố trí dưới 50%	0	
		2. Tỷ lệ % tổng số kinh phí thực tế được bố trí trên tổng số kinh phí được xác định trong Kế hoạch PBGDPL đã được phê duyệt với mức chi, nội dung chi theo quy định của pháp luật	2,5	

		a) Bố trí 100%	2,5	
		b) Bố trí từ 90% đến dưới 100%	2	
		c) Bố trí từ 80% đến dưới 90%	1,5	
		d) Bố trí từ 70% đến dưới 80%	1	
		đ) Bố trí từ 50% đến dưới 70%	0,5	
		e) Bố trí dưới 50%	0	
		3. Tỷ lệ % các nhiệm vụ thực tế được bố trí đầy đủ kinh phí trên tổng số nhiệm vụ được xác định trong Kế hoạch PBGDPL đã được phê duyệt (cần được bố trí kinh phí)	3	
		a) Bố trí 100%	3	
		b) Bố trí từ 90% đến dưới 100%	2,5	
		c) Bố trí từ 80% đến dưới 90%	2	
		d) Bố trí từ 70% đến dưới 80%	1,5	
		đ) Bố trí từ 50% đến dưới 70%	1	
		e) Bố trí dưới 50%	0	
5.	Tiêu chí 5	Mức độ thực hiện xã hội hóa công tác PBGDPL	4	
	Mục tiêu: Tăng cường, nâng cao hiệu quả hoạt động xã hội hóa công tác PBGDPL	1. Tỷ lệ % kinh phí huy động từ nguồn xã hội hóa hợp pháp trên tổng số kinh phí PBGDPL được xác định trong Kế hoạch	2	- Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn hoặc chính sách khuyến khích xã hội hóa công tác PBGDPL được ban hành. - Báo cáo, số liệu thống kê kinh phí, nhân lực thu hút từ hoạt động xã hội hóa.
		a) Huy động được 100%	2	
		b) Huy động được từ 90% đến dưới 100%	1,5	
		c) Huy động được từ 80% đến dưới 90%	1	
		d) Huy động được từ 70% đến dưới 80%	0,5	
		đ) Huy động được từ 50% đến dưới 70%	0,25	
		e) Huy động dưới 50%	0	

		2. Tỷ lệ % số lượng nhân sự huy động được từ nguồn xã hội hóa (đội ngũ luật sư, luật gia, người dân có kiến thức chuyên môn...) tham gia thực hiện các nhiệm vụ PBGDPL trên tổng số nhân sự triển khai các nhiệm vụ được xác định trong Kế hoạch đã phê duyệt	2	- Tổng hợp kinh phí cho công tác PBGDPL được ngân sách nhà nước cấp.
		a) Huy động được 100%	2	
		b) Huy động được từ 90% đến dưới 100%	1,5	
		c) Huy động được từ 80% đến dưới 90%	1	
		d) Huy động được từ 70% đến dưới 80%	0,5	
		đ) Huy động được từ 50% đến dưới 70%	0,25	
		e) Huy động dưới 50%	0	
6	Tiêu chí 6	Mức độ đáp ứng yêu cầu về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác PBGDPL	6	
	Mục tiêu: Bảo đảm điều kiện, cơ sở vật chất đáp ứng được yêu cầu thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số công tác PBGDPL	1. Việc xây dựng Cổng/Trang Thông tin PBGDPL hoặc chuyên mục về PBGDPL	1	Địa chỉ Cổng/Trang Thông tin PBGDPL, chuyên mục
		a) Có xây dựng Cổng/Trang Thông tin PBGDPL hoặc chuyên mục về PBGDPL	1	
		b) Không xây dựng	0	
		2. Tính đầy đủ của thông tin PBGDPL trên Cổng/Trang Thông tin PBGDPL hoặc chuyên mục về PBGDPL	4	Báo cáo về thông tin trên Cổng/Trang Thông tin PBGDPL, chuyên mục căn cứ quy định về nội dung tại Mục III Điều 1 Quyết định số 471/QĐ-TTg
		- Đăng tải các thông tin pháp luật, PBGDPL	2	
		a) Có đăng tải đầy đủ	2	
		b) Có đăng tải nhưng không đầy đủ	1	
		c) Không đăng tải	0	
		- Đăng tải thông tin, nội dung phục vụ quản lý nhà nước về PBGDPL	1	
		a) Có đăng tải đầy đủ	1	

		b) Có đăng tải nhưng không đầy đủ	0.5	
		c) Không đăng tải	0	
		- Đăng tải các sản phẩm thông tin PBGDPL số (inographic, video, audio, tờ rơi,...)	1	
		a) Có đăng tải đầy đủ	1	
		b) Có đăng tải nhưng không đầy đủ	0.5	
		c) Không đăng tải	0	
		3. Tính cập nhật của các thông tin trên Cổng/Trang thông tin PBGDPL hoặc chuyên mục về PBGDPL	1	Danh mục thông tin và thời điểm đăng tải thông tin
		a) Cập nhật thông tin từ 02 lần trở lên/tuần	1	
		b) Cập nhật thông tin từ 01 đến dưới 02 lần/tuần	0.5	
		c) Cập nhật thông tin dưới 01 lần/tuần	0	
II	Nhóm tiêu chí đánh giá kết quả đầu ra của các hoạt động PBGDPL trong lĩnh vực chuyên ngành (Cục Chăn nuôi và Thú y; Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm; Cục Thủy sản và Kiểm ngư đánh giá theo lĩnh vực pháp luật chuyên ngành được phân công quản lý)		55	
1	Tiêu chí 1	Mức độ đánh giá của đối tượng thụ hưởng về chất lượng tổ chức các hoạt động PBGDPL về lĩnh vực chuyên ngành	25	
	Mục tiêu: Đánh giá hiệu quả lan tỏa và tính phù hợp của hoạt động PBGDPL với nhu cầu PBGDPL và đặc điểm sinh hoạt của đối tượng hưởng thụ	Căn cứ đánh giá: Tỷ lệ người biết về nội dung và thông tin pháp luật so với kế hoạch dự kiến; mức độ hài lòng của tổ chức, doanh nghiệp, người dân quản lý, sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực chuyên ngành		- Kết quả khảo sát về mức độ nhận thức của đối tượng thụ hưởng trước và sau hoạt động PBGDPL về lĩnh vực chuyên ngành. - Kết quả khảo sát về mức độ hài lòng của đối tượng hưởng thụ
		1. Tỷ lệ % người biết về nội dung, thông tin pháp luật lĩnh vực chuyên ngành được PBGDPL so với số lượng người dự kiến đạt được theo kế hoạch	15	
		a) 80-100%	15	
		b) 65-79%	10	
		c) Dưới 65%	5	

		2. Tỷ lệ hài lòng của đối tượng thụ hưởng các hoạt động PBGDPL	10	sau hoạt động PBGDPL về lĩnh vực chuyên ngành về thông tin pháp luật được cung cấp - nội dung đáp ứng nhu cầu của đối tượng có các minh chứng/các câu chuyện ví dụ cụ thể; - Công tác tổ chức và thực hiện; chất lượng của báo cáo viên; Tính phù hợp của thời gian tổ chức/địa điểm tổ chức/phương tiện, cơ sở vật chất.
		a) 80-100%	10	
		b) 65-79%	6	
		c) Dưới 65%	4	
2	Tiêu chí 2:	Mức độ tác động của các hoạt động PBGDPL về lĩnh vực chuyên ngành	30	- Kết quả khảo sát trước và sau hoạt động PBGDPL về lĩnh vực chuyên ngành. - Điều tra xã hội học theo mẫu và các báo cáo về tình hình thực hiện pháp về lĩnh vực chuyên ngành.
	Mục tiêu: Đánh giá việc hoàn thành các mục tiêu dự kiến đạt được trong kế hoạch triển khai nhiệm vụ PBGDPL đã được phê duyệt trên thực tế	Căn cứ đánh giá mức độ tác động của các hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật về lĩnh vực chuyên ngành: Tỷ lệ % số lượng người có sự cải thiện về nhận thức pháp luật về lĩnh vực chuyên ngành giữa thực tế đạt được và dự kiến đạt được theo kế hoạch		
		a) Từ 90% trở lên số lượng người tham dự các hoạt động PBGDPL có sự cải thiện về nhận thức pháp luật so với dự kiến đạt được theo Kế hoạch	30	
		b) Từ 80% đến dưới 90% số lượng người tham dự các hoạt động PBGDPL có sự cải thiện về nhận thức pháp luật so với dự kiến đạt được theo Kế hoạch	25	
		c) Từ 70% đến dưới 80% số lượng người tham dự các hoạt động PBGDPL có sự cải thiện về nhận thức pháp luật so với dự kiến đạt được theo Kế hoạch	20	

		d) Từ 60% đến dưới 70% số lượng người tham dự các hoạt động PBGDPL có sự cải thiện về nhận thức pháp luật so với dự kiến đạt được theo Kế hoạch	15	
		đ) Từ 50% đến dưới 60% số lượng người tham dự các hoạt động PBGDPL có sự cải thiện về nhận thức pháp luật so với dự kiến đạt được theo Kế hoạch	10	
		e) Dưới 50% số lượng người tham dự các hoạt động PBGDPL có sự cải thiện về nhận thức pháp luật so với dự kiến đạt được theo Kế hoạch	0	
		Tổng cộng	100	